TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày: 05 – 6 – 2025 .
"V/v: *Đòi lại tài sản là tiền; Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại."*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Long.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Thơ và ông Trần Minh An.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Cường – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2024/TLST-DS ngày 31/01/2024 về việc: "*Đòi lại tài sản là tiền; Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXXST-DS ngày 10/4/2025; Quyết định hoãn phiên toà số 30/2025/QĐST-DS ngày 07/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn T, sinh năm: 1960 (Vắng mặt) và bà Lê Thị Thái H, sinh năm: 1963 (Đã chết ngày 23/02/2020).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H:

1. Ông Hồ Lê K, sinh năm: 1980 (Vắng mặt).

2. Ông Hồ Lê K1, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

3. Ông Hồ Lê K2, sinh năm: 1986 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. Bà Hồ Thị Kim K3, sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đây là 04 con chung của ông T và bà H.

5. Cụ Lê Hồng C, sinh năm: 1937 (cha bà H, vắng mặt).

Địa chỉ: Số I N, khu phố A phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày trình bày:

Ngày 02/8/2019, bà có cho vợ chồng ông Hồ Văn T, bà Lê Thị Thái H vay số tiền là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất ghi trong trong "Giấy hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2019" là 10%/tháng được lập tại nhà bà, giấy vay tiền chỉ viết tay không có xác nhận, công chứng của cơ quan có thẩm quyền. Hợp đồng thể hiện người mượn tiền có ghi "H – Lê Thị Thái H" và người làm chứng ghi "T – Hồ Văn T". Bà khẳng định nội dung giấy vay tiền do ông T tự tay viết, bà đã giao tiền đủ cho bà H, ông T. Về chữ ký và chữ viết bên vay, người làm chứng là của bà H và ông T tự tay viết. Thực tế, bà cho biết lãi suất các bên thỏa thuận miệng 5%/tháng. Phía bà H, ông T chỉ mới trả được 02 lần tiền lãi mỗi lần 5.000.000 đồng *(Năm triệu đồng)* trong tháng 9 và tháng 10 năm 2019, tổng cộng bà đã nhận được tiền lãi là 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)*. Ngoài ra, vợ chồng bà H, ông T không trả tiền gốc cho bà.

Ngày 15/8/2019, bà có chơi 02 đầu huê. Tổng cộng là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)*, bà L tự đóng xong tiền hết 02 đầu huê. Bà là người hốt 02 đầu huê 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), số tiền này đã đưa cho vợ chồng bà H, ông T. Nên bà H, ông T phải nghĩa trả lại cho bà L. Tuy nhiên, mới trả lại được 12 lần mỗi lần 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* tổng là 24.000.000 đồng *(Hai mươi bốn triệu đồng)* thì bà H chết, từ đó ông T không trả cho bà L. Nên bà cho rằng bà H, ông T còn nợ tiền cần phải trả là 13 lần tổng cộng là 26.000.000 đồng *(Hai mươi sáu triệu đồng)*, về lãi suất bà yêu cầu tính 5%/tháng. Số tiền này vợ chồng ông T, bà H có nghĩa vụ đóng trực tiếp cho bà, không liên quan gì đến ai.

Do đó, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng bà Lê Thị Thái H, ông Hồ Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* theo "Giấy hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2019" và số tiền đã nhận chơi 02 đầu huê của bà L còn lại là 26.000.000 đồng *(Hai mươi sáu triệu đồng)*, tổng cộng là 126.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi sát triệu đồng)*, với lãi suất chung là 5%/tháng từ ngày 01/11/2019 đến khi trả toàn bộ số tiền trên như các bên đã thỏa thuận miệng với nhau. Vì hai vợ chồng cùng ký số nợ, nhưng hiện tại bà H đã chết nên buộc ông Hồ Văn T và hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị Thái H là: Cụ Lê Hồng C, ông Hồ Văn T, ông Hồ Lê K, ông Hồ Lê K1, ông Hồ Lê K2 và bà Hồ Thị Kim K3 phải có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số tiền và lãi như trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Văn T không chấp hành giấy triệu tập, các văn bản tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cụ Lê Hồng C, ông Hồ Lê K, ông Hồ Lê K1, ông Hồ Lê K2 và bà Hồ Thị Kim K3 không chấp hành giấy triệu tập, các văn bản tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Nguyên đơn bà Lê Thị L tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Hồ Văn T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cụ Lê Hồng C, ông Hồ Lê K, ông Hồ Lê K1, ông Hồ Lê K2 và bà Hồ Thị Kim K3 không tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay HĐXX đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào điều 26, Điều 35, khoản 1 điều 39 khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463; Điều 466; Điều 469; Điều 615; Điều 651 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị L với bị đơn là ông Hồ Văn T.

Buộc bị đơn là ông Hồ Văn T có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền là 126.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu đồng)*.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về nội dung do bà H đã chết thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H là các ông bà Hồ Văn T, Hồ Lê K; Hồ Thị Kim K3; Hồ Lê K1; Hồ Lê K2 và cụ Lê Hồng C có nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bị đơn ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về chi phí trưng cầu giám định chữ ký: Ông Hồ Văn T phải chịu 1.800.000 đồng, bà Lê Thị L phải chịu 1.800.000 đồng. Do bà L đã nộp tạm ứng nên ông T phải hoàn trả cho bà L chi phí trưng cầu giám định này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo bà L yêu cầu bà Lê Thị Thái H (đã chết), ông Hồ Văn T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà H có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền theo "Giấy hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2019" và số tiền chơi 02 đầu huê của bà L là 126.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu đồng)* nợ gốc và lãi suất theo quy định nhà nước. Toà án thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, theo Công văn số 02 ngày 02/8/2021 của Tòa án tối cao thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay đã hết nên căn cứ theo khoản 2 Điều 155 và Điều 615 Bộ luật Dân sự toà án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là: "*Đòi lại tài sản là tiền; Thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"*. Nguyên đơn có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, thời hiệu khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng đã hết.

Bị đơn ông Hồ Văn T có địa chỉ tại thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Thủ tục tố tụng: Ngày 07/5/2025, Tòa án mở phiên tòa xét xử nhưng nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất. Để đảm bảo quyền lợi đương sự, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2025/QĐST-DS ngày 07/5/2025 ấn định lịch xét xử vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 05/6/2025 là đảm bảo tố tụng.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Hồ Văn T, cụ Lê Hồng C, ông Hồ Lê K, ông Hồ Lê K1, ông Hồ Lê K2 và bà Hồ Thị Kim K3 vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn không có ý kiến gì về tố tụng.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

Buộc vợ chồng bà Lê Thị Thái H, ông Hồ Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* theo "Giấy hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2019" và số tiền chơi 02 đầu huê còn lại là 26.000.000 đồng *(Hai mươi sáu triệu đồng)*, tổng cộng là 126.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi sáu triệu đồng)*, với lãi suất chung là 5%/tháng từ ngày 01/11/2019 đến khi trả toàn bộ số tiền trên như các bên đã thỏa thuận miệng với nhau. Vì hai vợ chồng cùng ký số nợ, nhưng hiện tại bà H đã chết nên buộc ông Hồ Văn T và hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị Thái H là: Cụ Lê Hồng C, ông Hồ Văn T, ông Hồ Lê K, ông Hồ Lê K1, ông Hồ Lê K2 và bà Hồ Thị Kim K3 phải có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số tiền đã vay. Bà L cung cấp "Giấy hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2019" có mặt sau ghi nội dung chơi huê 02 đầu huê của bà L có chữ viết, chữ ký của ông T, bà H.

[2.1]. Xét "Giấy hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2019" và mặt sau ghi nội dung cho huê:

Xét việc bà Lê Thị L cho vợ chồng bà Lê Thị Thái H, ông Hồ Văn T vay số tiền 100.000.000 đồng và 26.000.000 đồng chơi huê với bà L, tổng cộng 126.000.000 đồng vào các ngày 02/8/2019 và 15/8/2019 (Bút lục 03). Ngày 23/02/2020, bà Lê Thị Thái H chết không để lại di chúc. Năm 2024, bà L khởi kiện yêu cầu người được hưởng thừa kế toàn bộ tài sản của bà H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ do bà H để lại cùng với ông Hồ Văn T liên đới trả cho bà L số tiền 126.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận chung cho hai khoản tiền là 5%/tháng từ ngày 01/11/2019 đến khi trả toàn bộ số tiền trên.

Xét kết luận giám định số 238/KL-KTHS ngày 27/9/2024 của Phòng K4 - Công an tỉnh N. Tại phần kết luận Mục V tiểu mục 1 có nội dung: "Chữ ký, chữ viết mang tên Hồ Văn T cuối trang 1 và trang 2 trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A so với mẫu chữ ký, chữ viết mang tên Hồ Văn T trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M4 là do cùng một người ký, viết ra". Tại phần V, tiểu mục 2 có nội dung: "Chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị Thái H cuối trang 1 và trang 2 trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Lê Thị Thái H trên tài liệu mẫu so sáng ký hiệu M2, M3 không phải do cùng một người ký, viết ra.".

Như vậy, không đủ cơ sở kết luận chữ ký, chữ viết tên bà H trong giấy vay tiền, chơi huê với mẫu giám định do cùng một người ký ra, nên không có cơ sở kết luận bà H vay tiền theo "Giấy hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2019" mặt trước và mặt sau như nguyên đơn cung cấp và yêu cầu. Mặc khác, tại thời điểm vay, chơi huê giúp ông T và bà H là vợ chồng hợp pháp, kết luận giám định chữ ký của ông T trong hợp đồng so với chữ ký mẫu do cùng một người ký ra. Dù ông T tham gia giao kết hợp đồng tại "Giấy hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2019" mặt trước 100.000.000 đồng với tư cách là người làm chứng. Nhưng có cơ sở xác định ông T biết sự việc bà L cho vay tiền và nhận số tiền đã vay là 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, tại mặt sau ghi nội dung chơi huê với kết luận giám định chữ ký, có cơ sở kết luận ông T có chơi với bà L 02 đầu huê. Không có cơ sở kết luận bà H ký và biết sự việc này.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thoả thuận trong "Giấy hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2019" và mặt sau ghi nội dung chơi 02 đầu huê chỉ do một mình ông Hồ Văn T thực hiện xác lập là có cơ sở. Không có cơ sở xác định bà Lê Thị Thái H thực hiện vay chung với ông T. Nên chỉ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng giữa bà Lê Thị L và ông Hồ Văn T và không phát sinh nghĩa vụ trả nợ giữa bà H với bà L và hàng thừa kế thứ nhất của bà H. Do không chứng minh được ông Hồ Văn T sử dụng số tiền trên và mục đích chung của hai vợ chồng. Nên đây là nợ riêng của ông Hồ Văn T.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành giấy triệu tập, các văn bản tố tụng và vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến. Do đó, không ghi nhận được họ có biết

được sự việc bà H có ký vào "Giấy hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2019" và mặt sau ghi nội dung chơi 02 đầu huê.

[2.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, toà án đã thu thập, xác minh hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị Thái H bao gồm: Cụ Lê Hồng C (cha ruột bà H), ông Hồ Văn T, ông Hồ Lê K, ông Hồ Lê K1, ông Hồ Lê K2 và bà Hồ Thị Kim K3. Mẹ bà H là cụ Đinh Thị D (mẹ ruột) chết trước bà H không rõ năm chết. Ngoài ra, bà H không có con nuôi, con riêng, cha nuôi, mẹ nuôi.

Theo quy định tại Điều Điều 615 BLDS về Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại:

1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Trườnghợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại.

……..".

Và Điều 620 Bộ luật Dân sự 2015 quy định người thừa kế không được quyền từ chối nhận di sản trong trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.

Xét thấy trong quá trình giải quyết toà án đã thu thập tài liệu, gồm:

Tờ khai chứng minh nhân dân của ông Hồ Văn T ngày 24/3/1994; Tờ khai chứng minh nhân dân của ông Hồ Văn T ngày 16/10/2012; Tờ khai chứng minh nhân dân của bà Lê Thị Thái H ngày 22/7/2014; Biên bản xác định cấp nhà, công trình trên đất ngày 13/01/2010; Bản tự kê khai ngày 07/3/2023 của ông Hồ Văn T dùng để làm mẫu giám định. Tại kết luận giám định số 238/KL-KTHS ngày 27/9/2024 của Phòng K4 - Công an tỉnh N đã xác định được chữ ký so với mẫu giám định của ông T do cùng một người ký, viết ra và so với mẫu giám định của bà H không phải do cùng một người ký, viết theo Hợp đồng vay. Phía bị đơn vắng mặt không ghi nhận được ý kiến đề nghị giám định lại chữ ký của bà H, ông T.

Sau khi có kết luận giám định chữ ký, toà án đã công bố cho nguyên đơn về nội dung. Bà L đã có đơn không yêu cầu trưng cầu giám định lại và đồng ý với kết luận giám định (Bút lục số 144). Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2025 bà L lại trình bày không đồng ý với kết luận giám định. Tuy có sự thay đổi về ý kiến về kết quả giám định chữ ký, nhưng bà L không có đơn yêu cầu giám định lại. Nên hội đồng xét xử không xem xét là có cơ sở.

[2.4]. Căn cứ vào trích lục khai tử số 328/TLKT-BS ngày 28/4/2025 đăng ký ngày 23/02/2020 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P - T thể hiện bà Lê Thị Thái H đã chết vào năm 23/02/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án xác định, sau khi bà H chết có để lại di sản thừa kế là thửa đất số 433, tờ bản đồ địa chính số 30b diện tích 367m^2 ở thôn A, xã X, huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã được cấp giấy

chứng nhận cho hộ gia đình bà H, ông T chưa đăng ký biến động sang tên cho cá nhân nào khác theo thông tin cán bộ địa chính Uỷ ban nhân đân xã X cung cấp.

Tại phiên toà, không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Toà án thu thập theo khoản 1 Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3]. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở để xác định việc xác lập "Giấy hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2019" và mặt sau ghi nội dung chơi 02 đầu huê do bà Lê Thị L và ông Hồ Văn T thực hiện với nhau. Không có cơ sở xác định bà Lê Thị Thái H cùng thực hiện, bà L không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh khác ghi nhận bà H có thực hiện những giao dịch trên. Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Hồ Văn T phải có nghĩa vụ trả số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* theo "Giấy hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2019" và số tiền chơi 02 đầu huê còn lại là 26.000.000 đồng *(Hai mươi sáu triệu đồng)*, tổng cộng là 126.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi sát triệu đồng)*. Không chấp nhận yêu cầu buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị Thái H là: Cụ Lê Hồng C, ông Hồ Văn T, ông Hồ Lê K, ông Hồ Lê K1, ông Hồ Lê K2 và bà Hồ Thị Kim K3 phải có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số tiền đã vay và lãi suất chung là 5%/tháng từ ngày 01/11/2019 đến khi trả toàn bộ số tiền trên như đã thỏa thuận miệng giữ bà H và ông T.

[4]. Về án phí: Do bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hồ Văn T phải chịu 6.300.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về chi phí trưng cầu giám định: Tổng chi phí trưng cầu giám định là 3.600.000 đồng *(Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Bà Lê Thị L yêu giải quyết chi phí trưng cầu giám định theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự phải chịu phần chi phí giám định tương ứng phần yêu cầu của mình không được chấp nhận. Vì vậy, bà L phải chịu 1.800.000 đồng *(Một triệu tám trăm nghìn đồng)*. Ông Hồ Văn T phải chịu 1.800.000 đồng *(Một triệu tám trăm nghìn đồng)*. Do bà L đã nộp tạm ứng nên ông T phải hoàn trả cho bà L chi phí trưng cầu giám định này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 96, 144, 147, 227, 228, 235, 262, 264, 266, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 612, 613, 615 BLDS năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L:

Buộc ông Hồ Văn T phải có nghĩa vụ trả số tiền 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)* theo "Giấy hợp đồng vay tiền ngày 02/8/2019" và số tiền chơi 02 đầu huê còn lại là 26.000.000 đồng *(Hai mươi sáu triệu đồng)*, tổng cộng là 126.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi sát triệu đồng)*.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà H trả nợ vì bà H đã chết nên buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Lê Thị Thái H là: Cụ Lê Hồng C, ông Hồ Văn T, ông Hồ Lê K, ông Hồ Lê K1, ông Hồ Lê K2 và bà Hồ Thị Kim K3 phải có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số tiền đã vay và lãi suất chung là 5%/tháng từ ngày 01/11/2019 đến khi trả toàn bộ số tiền trên như đã thỏa thuận miệng giữa bà L và bà H, ông T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2, điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong.

Về án phí: căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bà Lê Thị L được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Hồ Văn T phải chịu án phí là 6.300.000 đồng (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí trưng cầu giám định:

-Bà Lê Thị L phải chịu 1.800.000 đồng *(Một triệu tám trăm nghìn đồng)* chi phí trưng cầu giám định. Bà L đã nộp đủ chi phí này.

-Ông Hồ Văn T phải hoàn trả cho bà Lê Thị L 1.800.000 đồng *(Một triệu tám trăm nghìn đồng)* chi phí trưng cầu giám định do bà Lê Thị L đã nộp tạm ứng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/6/2025). Riêng bị đơn ông Hồ Văn T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cụ Lê Hồng C, ông Hồ Lê K, ông Hồ Lê K1, ông Hồ Lê K2 và bà Hồ Thị Kim K3 vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- THA dân sự huyện Ninh Hải;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

Vũ Thanh Long